

Số: 292 /ĐA-CĐSP

Điện Biên, ngày 10 tháng 4 năm 2023

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2023
Trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên trường:** Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên.

2. **Mã trường:** C62.

3. **Địa chỉ:** Tổ dân phố 12, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên.

4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://www.cdspdienbien.edu.vn/>

5. **Địa chỉ trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh:** Fanpage “Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên”.

6. **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02153.828.702, 0932.285.108, 0912.793.217.

7. **Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của nhà trường: <http://cdspdienbien.edu.vn/bao-cai-ve-khao-sat-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-nam-2021-2/>.

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp xác định theo ngành đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh 1 năm (năm 2021).

Lĩnh vực/ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm
Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên					
Ngành Giáo dục Mầm non	Cao đẳng	300	247	211	91.7%
Tổng:		300	247	211	

8. Thông tin tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên:

Đường link 1: Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022: <http://cdspdienbien.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-nam-2022/>.

Đường link 2: Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2021: <http://cdspdienbien.edu.vn/de-an-tuyen-sinh-trinh-do-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-nam-2021/>.

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2021; 2022 trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12, trung học phổ thông theo tổ hợp môn xét tuyển.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo tổ hợp môn xét tuyển.

Thí sinh phải thi năng khiếu trước khi xét tuyển.

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

Lĩnh vực/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2021			Năm 2022		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên							
Ngành Giáo dục Mầm non: - Tổ hợp 1: Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - hát - Tổ hợp 2: Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - hát - Tổ hợp 3: Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - hát	Kết quả học tập lớp 12	160	140	19.5	150	164	19.5
	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	140	139	17	150	83	17
Tổng		300	279		300	247	

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường: <http://cdspdienbien.edu.vn/cac-nganh-dao-tao-cao-dang-cua-truong-cdsp-dien-bien/>

Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Giáo dục Mầm non	51140201	6144/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	05/11/2003	31/QĐ-BGD&ĐT	05/01/2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006	2022

10. Điều kiện đảm bảo chất lượng

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên: <http://cdspdienbien.edu.vn/cac-dieu-kien-dam-bao-chat-luong-tuyen-sinh-cao-dang-nganh-giao-duc-mam-non-nam-2023/>.

10.1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2022

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
2	Thạc sĩ		
B	ĐẠI HỌC		
3	Đại học chính quy		
4	Đại học vừa làm vừa học		
5	Từ xa		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	Chính quy	51140201	661
6.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ CĐ		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
7.1	Chính quy		
7.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ CĐ		

10.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

10.2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

Tổng diện tích đất của trường: 3,3 ha.

Số chỗ ở khu nội trú cho sinh viên: 776.

Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 14,1 m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV	57	5127
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	1710
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	400
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	6	480
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	1680
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	80
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	27	777
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	2	1189
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	8	2783
	Tổng:	67	9099

10.2.2. Các thông tin khác

a. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Danh mục thiết bị chính
1	Phòng học Âm nhạc	- Máy tính, máy chiếu - Thiết bị âm thanh: loa, tai nghe - Đàn Organ, chân đàn, giá đàn, nguồn Adapter
2	Phòng học múa	- Máy tính, máy chiếu - Thiết bị âm thanh: loa - Gương, gióng múa
3	Phòng học Mỹ thuật	- Máy chiếu - Giá vẽ, khung treo tranh - Hệ thống tượng giải phẫu cơ thể người, tượng chân dung, hệ thống khối cơ bản...
4	Phòng thực hành dinh dưỡng	- Bếp, tủ lạnh, máy xay, lò vi sóng - Dụng cụ nấu ăn: chảo, nồi, bát, đĩa, cân...
5	Phòng thực hành tin học	- Máy tính, máy chiếu, tai nghe - Tủ mạng, hệ thống mạng - Điều hòa nhiệt độ - Ổn áp Lioa
6	Phòng học Ngoại ngữ	- Máy tính, máy chiếu - Thiết bị âm thanh: loa, tai nghe, mic - Tủ mạng, hệ thống mạng - Điều hòa nhiệt độ; Ổn áp Lioa

b. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Lĩnh vực	Số lượng
1	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	8.047 đầu sách ; 92.740 quyển

10.3. Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Hà Thị Quỳnh		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
2	Phan Vũ Quỳnh Nga		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
3	Tạ Thị Huyền		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	
4	Đinh Thanh Hương		Thạc sĩ	Lý luận Văn học	Giáo dục Mầm non	
5	Nguyễn Thị Nghĩa		Thạc sĩ	Văn học Trung Quốc	Giáo dục Mầm non	
6	Phạm Lan Anh		Thạc sĩ	Văn học VN hiện đại	Giáo dục Mầm non	
7	Phạm Thị Thu Hà		Thạc sĩ	Văn học Dân gian	Giáo dục Mầm non	
8	Phan Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Văn học VN trung đại	Giáo dục Mầm non	
9	Nguyễn Thị Nguyệt Nga		Thạc sĩ	Văn học VN Trung đại	Giáo dục Mầm non	
10	Cầm Thị Phụng		Thạc sĩ	Văn học Phương Tây	Giáo dục Mầm non	
11	Nguyễn Thị Minh Châu		Thạc sĩ	Văn học VN Hiện đại	Giáo dục Mầm non	
12	Nguyễn Thị Thuỳ Liên		Thạc sĩ	Lý luận Văn học	Giáo dục Mầm non	
13	Cao Thanh Nga		Thạc sĩ	Lý luận ngôn ngữ	Giáo dục Mầm non	
14	Phan Thị Thủy		Thạc sĩ	PPDH Văn học	Giáo dục Mầm non	
15	Lê Thị Huyền Trang		Đại học	Ngữ văn	Giáo dục Mầm non	
16	Lê Thị Kim Thoa		Thạc sĩ	PPDH Tiếng Việt	Giáo dục Mầm non	
17	Nguyễn Tuấn Nam		Thạc sĩ	Lí luận và PPDH Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
18	Phùng Thanh Tám		Thạc sĩ	Lí luận và PPDH Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
19	Nguyễn Đức Thành		Thạc sĩ	Lí luận và PPDH Âm nhạc	Giáo dục Mầm non	
20	Vũ Hữu Cương		Thạc sĩ	Mỹ thuật tạo hình	Giáo dục Mầm non	
21	Mai Thanh Hưng		Đại học	Mỹ Thuật	Giáo dục Mầm non	



STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
22	Lê Thị Thuý Hằng		Thạc sĩ	Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
23	Lò Thị Hiền		Đại học	Mỹ thuật	Giáo dục Mầm non	
24	Lê Tùng		Tiến sĩ	Lý luận và PPDH Sinh	Giáo dục Mầm non	
25	Nguyễn Thị Phương Thúy		Tiến sĩ	Lý luận và PPDH Hóa học	Giáo dục Mầm non	
26	Phạm Xuân Cường		Tiến sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
27	Nguyễn Thị Hồng Miên		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng	Giáo dục Mầm non	
28	Đinh Xuân Huy		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
29	Phạm Ngọc Cảnh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
30	Phạm Việt Đức		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
31	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
32	Trần Thị Phương Thanh		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
33	Lê Trọng Hiếu		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
34	Bùi Quang Huy		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
35	Mai Đình Nam		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
36	Ngô Thị Thu Hiền		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
37	Phan Thị Lung		Thạc sĩ	Giáo dục học	Giáo dục Mầm non	
38	Bùi Thị Hậu		Thạc sĩ	Vật lý	Giáo dục Mầm non	
39	Nguyễn Thị Thu Phương		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
40	Phan Thị Lý		Thạc sĩ	Giáo dục cộng đồng	Giáo dục Mầm non	
41	Nguyễn Thị Viên		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục	Giáo dục Mầm non	
42	Đỗ Thị Thanh Tuyền		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
43	Lò Vũ Điệp		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
44	Đàm Thị Mai Thương		Thạc sĩ	Tâm lý học	Giáo dục Mầm non	
45	Phạm Trung Kiên		Đại học	Tâm lý - Giáo dục	Giáo dục Mầm non	
46	Đào Thị Bách		Thạc sĩ	Tâm lý - Giáo dục	Giáo dục Mầm non	

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
47	Tổng Thị Hạnh		Thạc sĩ	Phương pháp dạy học Sinh	Giáo dục Mầm non	
48	Hà Thị Bình		Thạc sĩ	Hóa học	Giáo dục Mầm non	
49	Hoàng Thị Thảo		Thạc sĩ	Sinh học thực nghiệm	Giáo dục Mầm non	
50	Phạm Hồng Thái		Thạc sĩ	PPDH sinh học	Giáo dục Mầm non	
51	Vũ Thị Thanh Tâm		Thạc sĩ	Vi sinh học	Giáo dục Mầm non	
52	Phạm Thị Thu Phương		Thạc sĩ	Phương pháp DH Toán	Giáo dục Mầm non	
53	Đoàn Thị Hằng Nga		Thạc sĩ	Phương pháp dạy học Toán	Giáo dục Mầm non	
54	Nguyễn Thị Hồng Thúy		Thạc sĩ	Hình học	Giáo dục Mầm non	
55	Nguyễn Thị Tuyết Mai		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	Giáo dục Mầm non	
56	Trương Quốc Huân		Thạc sĩ	PT vi phân	Giáo dục Mầm non	
57	Hà Thị Hương		Thạc sĩ	Đại số và lý thuyết số	Giáo dục Mầm non	
58	Bùi Thị Minh Thư		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
59	Nguyễn Thị Hồng Nhung		Thạc sĩ	PPDH bộ môn Địa lý	Giáo dục Mầm non	
60	Nguyễn Thị Thu Hương		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
61	Ngô Thị Kim Anh		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
62	Nguyễn Thị Hiền		Thạc sĩ	Địa lý	Giáo dục Mầm non	
63	Trần Thị Tuyết		Thạc sĩ	Lịch sử	Giáo dục Mầm non	
64	Hà Thị Thoan		Thạc sĩ	Hóa phân tích	Giáo dục Mầm non	
65	Đặng Thái Sơn		Thạc sĩ	Kiểm định chất lượng GD	Giáo dục Mầm non	
66	Nguyễn Thị Tường Vy		Thạc sĩ	Kiểm định chất lượng GD	Giáo dục Mầm non	
67	Dương Thị Phương Lan		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng và TTHCM	Giáo dục Mầm non	
68	Lê Thị Thơi		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng và TTHCM	Giáo dục Mầm non	
69	Nguyễn Thị Hương Giang		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
70	Ngô Thị Yến		Thạc sĩ	Triết học	Giáo dục Mầm non	
71	Hà Thị Kim Tuyền		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Chính trị	Giáo dục Mầm non	

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
72	Nguyễn Tuyết Nhung		Thạc sĩ	PPDH bộ môn tiếng Anh	Giáo dục Mầm non	
73	Lê Thị Hải		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
74	Trần Thị Ngọc Mai		Thạc sĩ	Anh văn	Giáo dục Mầm non	
75	Giáp Thị Phương Thảo		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
76	Lê Thu Hương		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
77	Đặng Hải Yến		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Tin học	Giáo dục Mầm non	
78	Đinh Toàn		Thạc sĩ	Lý luận và PPDH Tin học	Giáo dục Mầm non	
79	Đoàn Vĩnh Ngọc		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Giáo dục Mầm non	
80	Đỗ Thị Thu Trang		Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính	Giáo dục Mầm non	
81	Nguyễn Thị Như Na		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Giáo dục Mầm non	
82	Phan Đình Lập		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Giáo dục Mầm non	
83	Nguyễn Thị Phương Thúy		Thạc sĩ	PP dạy học tin học	Giáo dục Mầm non	
84	Nguyễn Thị Thủy		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Giáo dục Mầm non	
85	Nguyễn Trung Kiên		Đại học	Thể dục thể thao	Giáo dục Mầm non	
86	Nguyễn Sơn Hà		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
87	Nguyễn Thị Ly Lan		Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Giáo dục Mầm non	
88	Nguyễn Quỳnh Dương		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Mầm non	
89	Bùi Thị Thanh Huyền		Thạc sĩ	Giáo dục học (TDTT)	Giáo dục Mầm non	
90	Hà Minh Quang		Thạc sĩ	Giáo dục học (TDTT)	Giáo dục Mầm non	
91	Lê Thị Thêm		Thạc sĩ	Công tác xã hội	Giáo dục Mầm non	
92	Quảng Thị Hạnh		Thạc sĩ	Công tác xã hội	Giáo dục Mầm non	
Tổng số giảng viên:					92	

10.4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non: Không.

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Trường

<http://cdspdienbien.edu.vn/category/tuyen-sinh>.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh chính quy cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Đối tượng: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

Điều kiện: Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có sức khỏe để học tập và đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định; có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Điện Biên.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Ngành Giáo dục Mầm non, hình thức đào tạo chính quy.

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

1.3.1. Phương thức 1: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

Xét tổng điểm 2 môn thi tốt nghiệp THPT và điểm thi năng khiếu (Độc diễn cảm và Hát) theo tổ hợp môn xét tuyển.

Thí sinh phải thi năng khiếu (Độc diễn cảm và Hát) trước khi xét tuyển.

$\text{Điểm xét tuyển} = (M1 + M2 + M3) + \text{ĐU'T}$

Trong đó: M1, M2, M3 là điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển; ĐU'T: là tổng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.3.2. Phương thức 2: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12, trung học phổ thông theo tổ hợp môn xét tuyển.

Xét tổng điểm trung bình môn học cả năm lớp 12 của 2 môn và điểm thi năng khiếu (Độc diễn cảm và Hát) theo tổ hợp môn xét tuyển.

Thí sinh phải thi năng khiếu (Độc diễn cảm - Hát) trước khi xét tuyển.

Điểm xét tuyển = (M1 + M2 + M3) + ĐUT

Trong đó: M1, M2, M3 là điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển; ĐUT: là tổng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng theo quy định.

Nguyên tắc xét tuyển: Xét điểm từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu. Trường hợp một trong hai phương thức xét tuyển không đủ chỉ tiêu thì chỉ tiêu được chuyển sang phương thức còn lại.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 150 chỉ tiêu ngành Giáo dục Mầm non.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Cao đẳng	51140201A	Giáo dục Mầm non	100	Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	70	Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Toán, Sinh học, Đọc diễn cảm - Hát	Toán	Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn
		51140201B	Giáo dục Mầm non	200	Xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 THPT	80	Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn	Toán, Sinh học, Đọc diễn cảm - Hát	Toán	Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát	Ngữ văn



1.5. Ngưỡng đầu vào

Với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông: Thực hiện theo ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập lớp 12 trung học phổ thông: Học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp trung học phổ thông từ 6.5 trở lên.

Điểm thi năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát) từ 5 điểm trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác

1.6.1. Mã số trường, mã số ngành, tổ hợp môn xét tuyển

Mã trường: C62.

Mã ngành: 51140201

Mã tổ hợp môn xét tuyển:

M07: Ngữ văn, Địa lí, Đọc diễn cảm - Hát

M05: Ngữ văn, Lịch sử, Đọc diễn cảm - Hát

M13: Toán, Sinh học, Đọc diễn cảm - Hát

M00: Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát

Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Không.

1.6.2. Đối với thí sinh bảo lưu điểm bài thi: Nhà trường sử dụng điểm thi được bảo lưu trong kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước để xét tuyển.

1.6.3. Hồ sơ đăng kí thi năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

- Phiếu đăng ký dự thi năng khiếu theo mẫu (Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để tải mẫu phiếu);

- Bản photo chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân;

- 02 ảnh 3x4, 02 phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ của thí sinh.

1.6.4. Hồ sơ đăng kí xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu (Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để tải mẫu phiếu);
- Bản sao có chứng thực kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2023) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023);
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- 02 phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ của thí sinh.

1.6.5. Hồ sơ đăng ký xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả học tập lớp 12 THPT

- Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu (Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để tải mẫu phiếu);
- Bản sao có chứng thực học bạ THPT;
- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2023) hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023);
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- 02 phong bì dán tem, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ của thí sinh.

1.6.6. Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công dịch vụ công quốc gia: Chỉ nộp hồ sơ đăng ký thi năng khiếu, không phải nộp hồ sơ xét tuyển.

1.6.7. Thí sinh nộp hồ sơ thi năng khiếu, hồ sơ đăng ký xét tuyển, phí dự tuyển

- Thí sinh đăng ký thi năng khiếu và đăng ký xét tuyển: Trực tuyến (xem tại website <http://www.cdspdienbien.edu.vn>).
- Hồ sơ thí sinh nộp lại khi đến thi năng khiếu và nhập học.

Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, trường CĐSP Điện Biên. Tổ dân phố 12, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 02153.828.702 hoặc 0932.285.108 hoặc 0912.793.217; Email: bants.c62@moet.edu.vn.

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Tổ chức thi năng khiếu (Độc diễn cảm - Hát)

Thời gian nhận hồ sơ thi năng khiếu: Đến hết ngày 12/5/2023.

Thời gian tổ chức thi năng khiếu: 7 giờ 30 phút ngày 14/5/2023.

Các đợt thi năng khiếu bổ sung (nếu có) Nhà trường sẽ thông báo sau. Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để xem các thông tin thi năng khiếu bổ sung.

1.7.2. Xét tuyển

Thời gian xét tuyển: Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Nhà trường thông báo cụ thể sau. Thí sinh truy cập vào Website của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên <http://www.cdspdienbien.edu.vn> để xem các thông tin tuyển sinh bổ sung.

1.7.3. Tổ chức nhập học: Dự kiến trong khoảng thời gian từ ngày 6/9/2023 đến ngày 15/9/2023.

1.8. Chính sách ưu tiên: Theo Quy chế tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Lệ phí xét tuyển: 20.000đ/hồ sơ

Lệ phí thi năng khiếu: 300.000đ/thí sinh

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: Thực hiện theo quy định.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.12. Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên cam kết giải quyết kịp thời, đúng Quy chế tuyển sinh hiện hành về khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù: Không.

1.14. Tài chính

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường (Năm 2022): 33 tỉ đồng;

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm (năm 2022): 50 triệu đồng/sinh viên.

1.15. Các nội dung khác

Chế độ chính sách cho người học: Thực hiện đầy đủ, kịp thời; sinh viên được hỗ trợ tiền sinh hoạt phí 3,63 triệu đồng/tháng, được miễn học phí (Nếu không đăng ký hưởng chế độ hỗ trợ tiền sinh hoạt phí 3,63 triệu đồng/tháng thì đóng học phí theo quy định).

Sinh viên được sắp xếp ở trong khu nội trú (Nộp 40 nghìn đồng/tháng/SV), có công trình phụ khép kín; được sử dụng Wifi miễn phí...

2. Tuyển sinh đào tạo cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên: Không.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA HỌC VỪA LÀM: Không.

IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA: Không.

Cán bộ kê khai

Giáp Thị Phương Thảo

ĐT: 0388.532.988

Email: giapphuongthao@gmail.com

Điện Biên, ngày 10 tháng 4 năm 2023



Nguyễn Thị Tuyết Mai